

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 397/2017/HSST

Ngày: 26-12-2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Nguyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Quý.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lương Việt Bằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Khiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 372/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2017/QĐ-HSST ngày 14 tháng 12 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Đình T, sinh năm 1978.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 3/84 đường K, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Họ và tên bố: Trần Đình P, sinh năm 1949.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1949.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Chưa có vợ con.

Tiền án:

- Ngày 25-10-2012 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Ngày 19-12-2014 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02-10-2017, sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N.

2. Người bị hại: Anh Kiều Mạnh L, sinh năm 1987.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 115 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Đình T có mặt. Anh Kiều Mạnh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 02-10-2017, Trần Đình T một mình điều khiển xe đạp mang theo 03 cò lê, 01 đèn pin lang thang trong thành phố N để trộm cắp tài sản. Khi đến trước cửa nhà số 127 phố H thấy xe ô tô tải biển kiểm soát C-04053 (Của anh Kiều Mạnh L, sinh năm 1987, trú tại số 115 đường T, phường T, thành phố N) đỗ ở lề đường không có người trông coi. Trần Đình T đi đến lấy đèn pin soi, dùng cò lê mang theo tháo 01 bình ắc quy hiệu NS60L(S)-GS-12V-45AH ra khỏi chiếc xe tải rồi bê lên cho vào giỏ xe đạp tẩu thoát. Khi Trần Đình T đi đến khu vực đường K thì bị Đội cảnh sát hình sự Công an thành phố N thấy có biểu hiện nghi vấn nên giữ lại kiểm tra hành chính và đưa về trụ sở công an làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Đình T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên và tạm giữ 01 bình ắc quy hiệu NS60L(S)-GS-12V-45AH, 01 xe đạp, 01 đèn pin, 03 cò lê, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố N kết luận 01 bình ắc quy hiệu NS60L(S)-GS-12V-45AH có giá trị là 300.000 VNĐ. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc bình ắc quy cho anh Kiều Mạnh L, anh L đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác đối với bị cáo. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe đạp cho anh Bùi Ngọc C trú tại số 52 đường Đ, thành phố N, trả lại chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar cho anh Trần Đình T trú tại số 3/84 đường K, thành phố N. Anh C và anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Bản cáo trạng số 382/QĐ-KSĐT ngày 13-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Trần Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Trần Đình T xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình. Bị cáo khai nhận vào rạng sáng ngày 02-10-2017 với mục đích đi trộm cắp và lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 bình ắc quy hiệu

NS60L(S)-GS-12V-45AH trên chiếc xe ô tô tải của anh Kiều Mạnh L, trên đường tẩu thoát thì bị phát hiện bắt giữ và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới. Bị cáo xác nhận anh C và anh T không biết bị cáo sử dụng xe đạp và điện thoại di động vào việc thực hiện hành vi trộm cắp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù giam.

Về dân sự: Do người bị hại là anh Kiều Mạnh L đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác đối với bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe đạp của anh Bùi Ngọc C và chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar của anh Trần Đình T, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C và anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với chiếc đèn pin, 03 cờ lê tạm giữ của bị cáo T là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cải tạo trở thành người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Đình T có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ khác như đơn trình báo của người bị hại; biên bản thu giữ vật chứng; bản kết luận định giá tài sản; biên bản thực nghiệm điều tra; lời khai của những người có liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ

án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 01 giờ ngày 02-10-2017, tại khu vực trước cửa nhà số 127 phố H, thành phố N bị cáo Trần Đình T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 bình ắc quy hiệu NS60L(S)-GS-12V-45AH có giá trị 300.000 VNĐ trên chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 18C-04053 của anh Kiều Mạnh L. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội trên địa bàn thành phố N. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng vì lòng tham bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại có giá trị dưới 2.000.000 VNĐ nhưng bị cáo đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích cũng về tội “Trộm cắp tài sản” nên tiền án này là tình tiết định tội cho hành vi phạm tội lần này của bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có một tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, với mức hình phạt nghiêm minh đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về dân sự: Do người bị hại là anh Kiều Mạnh L đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe đạp của anh Bùi Ngọc C và chiếc điện thoại di động hiệu Mobistar của anh Trần Đình T, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C và anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với chiếc đèn pin và 03 chiếc cờ lê tạm giữ của bị cáo là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Đình T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 02-10-2017.

2. Xử lý vật chứng, tài sản:

- Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc đèn pin và 03 chiếc cờ lê tạm giữ của bị cáo Trần Đình T.

Số vật chứng, tài sản nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16-11-2017 giữa Công an thành phố N với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Đình T phải nộp 200.000 VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo:

- Áp dụng Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo Trần Đình T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là anh Kiều Mạnh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh N;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục Thi hành án TP. N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nguyên

